

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2024/HS-PT

Ngày 22-7-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tỉnh

Các Thẩm phán: Ông Tôn Văn Thông

Ông Nguyễn Thế Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phan Minh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 46/2024/TLPT-HS ngày 07 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo Võ Thị Phương L do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 15/2024/HS-ST ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo có kháng cáo: **Võ Thị Phương L**, sinh năm 1998 tại tỉnh Bến Tre; nơi ĐKTT: ấp S, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: lớp 7/12; giới tính: nữ; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Minh H (chết) và bà Võ Thị H, sinh năm 1968; chồng: Huỳnh Minh C, sinh năm 1996 (đã ly hôn); con: có 02 con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2019; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Hữu D – Luật sư Văn phòng luật sư Nguyễn Hữu D thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre; có mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn có bị cáo Phạm Văn Đ nhưng không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do biết được thông tin vào chiều ngày 09/5/2023 anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm

2003, bà Lê Tuyết H (N), sinh năm 1984 và bà Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1968, đến nhà ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1970, ở ấp A, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre để trả tiền mua đất nên Võ Thị Phương L thống nhất với Phạm Văn Đ sẽ đi theo đến nhà ông C, chờ khi ông C nhận tiền xong sẽ lấy để trừ khoản nợ mà bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1975, vợ ông C vay của Đ trước đó.

Khoảng 18 giờ ngày 09/5/2023, Phạm Văn Đ dùng xe mô tô biển số 71B3 – xxx.xx chở Võ Thị Phương L chạy theo anh Nguyễn Văn Đ, bà H và bà O đến nhà ông C. Khi gần đến nhà ông C thì Phạm Văn Đ ở ngoài đợi còn L điều khiển xe vào trong. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, tại bộ ghế gỗ trong sân nhà, bà O trả tiền mua đất cho ông C là 46.000.000 đồng. Lúc này L đứng phía sau ông C quan sát, thấy ông C nhận tiền xong L liền chồm lên giật lấy số tiền trên, ông C nắm tay L giữ lại thì L kêu “anh Phạm Văn Đ ơi”, Phạm Văn Đ nghe L kêu liền chạy vào, thấy cả hai còn đang giằng co nên dùng tay phải kẹp cổ ông C cho L tẩu thoát cùng tài sản. Thấy L đã thoát được, Phạm Văn Đ buông ông C ra, ông C đuổi theo L thì Phạm Văn Đ tiếp tục kẹp cổ, nắm áo, xô đẩy, ngăn cản không cho ông C đuổi theo. Sau đó, Phạm Văn Đ lấy xe chạy theo L nhưng bị ông C chặn lại xô ngã, Phạm Văn Đ bỏ xe lại hiện trường rồi cả hai cùng đi về nơi thuê trọ của L ở ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. Sau đó ông C trình báo sự việc đến cơ quan Công an. Qua làm việc, Phạm Văn Đ và L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và giao nộp số tiền trên.

Vật chứng, đồ vật thu giữ gồm:

- Tiền Việt Nam: 46.000.000 đồng (bốn mươi sáu triệu đồng), loại tiền Polime, mệnh giá 500.000 đồng.
- 01 (một) đôi dép không nhãn hiệu, quai kẹp, màu trắng, đế dép màu đen;
- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave RSX, màu đỏ đen, biển kiểm soát 71B3 – xxx.xx;
- 01 (một) nón bảo hiểm không nhãn hiệu, loại nửa đầu, màu xanh.
- Ông Nguyễn Văn C giao nộp 01 đĩa DVD chứa hai tập tin video được trích xuất từ camera nhà ông C ghi lại diễn biến sự việc nêu trên.

Tại kết luận giám định số 525/2023 ngày 14/8/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre, kết luận: Nội dung hình ảnh trong 02 tập tin video gửi giám định (ký hiệu A1 và A2) không phát hiện thấy dấu vết bị cắt ghép, chỉnh sửa.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 15/2024/HS-ST ngày 04/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Võ Thị Phương L phạm tội “Cướp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 168; các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Võ Thị Phương L 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Ngoài

ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên tội danh và trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Phạm Văn Đ, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 07/5/2024, bị cáo Võ Thị Phương L kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo khai nhận, cho rằng đồng phạm với Phạm Văn Đ nhưng không rủ rê Phạm Văn Đ, nhưng bị cáo thừa nhận khơi gợi, nhắc lại với Phạm Văn Đ để đi giật tiền của ông C và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định. Về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Võ Thị Phương L phạm tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự là đúng quy định pháp luật. Về tình tiết vụ án, bị cáo là người rủ rê, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cho rằng không rủ nhưng bị cáo cho rằng bị cáo khơi gợi lại việc giật tiền của anh C, việc thay đổi lời khai của bị cáo là không có cơ sở. Đối với tình tiết giảm nhẹ bồi thường thiệt hại nếu bị cáo không nộp tiền thì bị khám xét nên không phù hợp để áp dụng cho bị cáo; về tình tiết đầu thú hồ sơ không thể hiện nên không có cơ sở áp dụng. Với mức hình phạt 03 năm tù là mức thấp nhất của khung hình phạt. Trong vụ án bị cáo là người rủ rê nên không cho bị cáo hưởng án treo là phù hợp nên được giữ nguyên. Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Võ Thị Phương L 03 (ba) năm tù về “Tội cướp tài sản”. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị. Qua tranh luận Kiểm sát viên thống nhất việc bị cáo nộp lại tiền thuộc khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo không tranh luận:

Người bào chữa cho bị cáo, cho rằng về tình tiết rủ rê thì trước đó 09-10 ngày do Phạm Văn Đ rủ rê, ngày chiếm đoạt tiền là do L đề xuất. Các tình tiết bị cáo có con còn nhỏ, hoàn cảnh gia đình thuộc hộ nghèo là phù hợp. Về tình tiết đầu thú bị cáo có đến xã nộp tiền và khai báo mà không được lập biên bản đầu thú thì lỗi thuộc về ai, không được xem xét là thiệt thòi cho bị cáo, bị cáo đã nộp 46.000.000 đồng lại xuất hiện thêm 46.000.000 đồng sau lại xem xét cho bị cáo Phạm Văn Đ; không áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự thì áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo. Bản án sơ thẩm không nêu đầy đủ yêu cầu của ông C, với hai

yêu cầu là giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo cho cả hai bị cáo. Nguyên cơ phạm tội là do bà T nợ tiền dẫn đến bị cáo thực hiện hành vi; bị cáo chỉ giật tiền không dùng vũ lực mà do Phạm Văn Đ thực hiện nên đề nghị xem xét cho bị cáo, hoàn cảnh của bị cáo khó khăn có hai con nhỏ. Đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo ăn năn, xin cho bị cáo một lần cơ hội, bị cáo là trụ cột trong gia đình, xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo và người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định. Khoảng 19 giờ 00 phút, ngày 09 tháng 5 năm 2023, tại nhà của ông Nguyễn Văn C ở ấp A, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre, Phạm Văn Đ cùng với Võ Thị Phương L đã thực hiện hành vi dùng vũ lực để cướp của ông Nguyễn Văn C số tiền 46.000.000 đồng. Với ý thức, hành vi và giá trị tài sản mà Võ Thị Phương L và đồng phạm đã chiếm đoạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Võ Thị Phương L phạm tội “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt tù đã xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo thuộc diện hộ nghèo, đang nuôi con nhỏ theo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cho rằng không rủ Phạm Văn Đ, tuy nhiên theo Biên bản đối chất giữa Phạm Văn Đ và L (BL 230-233) thể hiện nội dung trình bày của L “*Tôi bàn bạc trước với anh Phạm Văn Đ là khi giật tiền của ông C nếu giữa tôi và ông C có sự giằng co thì tôi sẽ la lớn “Anh Phạm Văn Đ ơi”, đây là tín hiệu cho anh Phạm Văn Đ biết để anh Phạm Văn Đ từ bên ngoài vào hỗ trợ ôm anh C lại cho tôi tẩu thoát*”. Phạm

Văn Đ trình bày “Tôi nghe rõ lời khai trên, lời khai trên là đúng”, phù hợp với lời khai của bị cáo L tại Biên bản lấy lời khai ngày 10/5/2023 (BL 150-152) thể hiện nội dung: “Tôi và Phạm Văn Đ bàn bạc vào ngày 08/5/2023 tôi nói với Phạm Văn Đ giờ chỉ có cách là khi chị N trả tiền đất thì mình lấy tiền trừ nợ, ông C không trả cũng phải lấy cho bằng được. Ngoài ra tôi còn nói với Phạm Văn Đ là “Nếu em giật tiền ông C không được thì anh vô ôm ông C cho em lấy tiền”; và lời khai ngày 29/11/2023 (BL 159-152) có nội dung: “Sau khi nhận được thông tin chị Ngọc sẽ trả tiền mua đất cho anh C, tôi nảy sinh ý định sẽ đi cùng N và sẽ giật lấy tiền từ ông C để trừ nợ của vợ ông C là bà T, tôi nói ý định của mình cho Phạm Văn Đ biết và Phạm Văn Đ đồng ý” và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cho rằng bị cáo gợi ý lại với Phạm Văn Đ để đi giật tiền của anh C vào ngày 09/5/2023. Các tình tiết này có cơ sở chứng minh bị cáo L là người rủ rờ Phạm Văn Đ mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định là có căn cứ.

Đối với tình tiết “Đầu thú”, thấy rằng tại Biên bản giao nhận tài liệu đồ vật ngày 10/5/2023 (BL 250) bị cáo tự giao nộp đủ số tiền chiếm đoạt vào ngày hôm sau và tại Bản tự khai của bị cáo L ngày 10/5/2023 bị cáo nêu việc đầu thú, được xem xét là bị cáo đầu thú về hành vi (thuộc khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự).

Về tình tiết bồi thường thiệt hại, bị cáo so sánh với bị cáo Phạm Văn Đ là Phạm Văn Đ được áp dụng tình tiết giảm nhẹ bồi thường thiệt hại, tuy nhiên số tiền bản án cho rằng bồi thường tổn thất tinh thần cho chị Nguyễn Thị Hồng T là từ tiền riêng của ông Phạm Văn H (cha của Phạm Văn Đ) đưa ra, không thuộc tiền chiếm đoạt mà có, trong vụ án không gây thiệt hại về sức khỏe hay tính mạng, việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết bồi thường tổn thất tinh thần cho chị T theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là không phù hợp với quy định tại Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015. Mặt khác, trong vụ án khách thể bị xâm hại là tài sản bị chiếm đoạt không thuộc diện thiệt hại về sức khỏe hay tính mạng hay danh dự nhân phẩm và người bị chiếm đoạt là người đang quản lý tài sản là anh C. Do không có kháng nghị phần này nên không có cơ sở xem xét.

Do bị cáo tự nguyện nộp lại số tiền chiếm đoạt và đã được trả lại cho bị hại đầy đủ được xem là tình tiết giảm nhẹ gây thiệt hại không lớn theo điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Do bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, hoàn cảnh gia đình của bị cáo khó khăn (bị cáo còn 02 con nhỏ) là lao động chính tạo thu nhập để nuôi con và bị cáo cung cấp việc bị cáo bị tai nạn giao thông đang điều trị nên cần giảm một phần hình phạt cho bị cáo theo khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự cũng đủ cải tạo giáo dục bị cáo. Trong vụ án bị cáo là người rủ

rê, là người thực hành và phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng nên Tòa án cấp sơ thẩm không cho bị cáo hưởng án treo là có cơ sở, nên không chấp yêu cầu hưởng án treo của bị cáo.

Quan điểm của Kiểm sát viên, quan điểm của người bào chữa cho bị cáo có phần không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo; sửa quyết định của Bản án sơ thẩm;

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Võ Thị Phương L phạm tội “Cướp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 168; các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Võ Thị Phương L** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị cáo Võ Thị Phương L không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về tội danh, trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Phạm Văn Đ, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện M (3b);
- VKSND huyện M (1b);
- Công an huyện M (1b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- UBND xã S, huyện C (1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tỉnh